

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2020-2021

NGÀNH NGÔN NGỮ ANH-CLC TT23

KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần	KHÓA	Mã HP	Tên học phần	SỐ TC	Số giờ/ tuần
QH.2020 HỌC KỲ 1	ENG4021*	Tiếng Anh 1A	4	8	QH.2020 HỌC KỲ 2	ENG4023*	Tiếng Anh 2A	4	8
	ENG4022*	Tiếng Anh 1B	4	8		ENG4024*	Tiếng Anh 2A	4	8
		Ngoại ngữ CLC 1	0	4		PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam (SV có thể chọn học tại HKI hoặc HKII)	3	3		VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
	FLF1008	Kỹ năng học tập thành công bậc ĐH	3	4			Ngoại ngữ CLC 1	5	4
							Tự chọn khối II		
					FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3	
QH.2019 HỌC KỲ 3	ENG4025*	Tiếng Anh 3A	4	8	QH.2019 HỌC KỲ 4	ENG4028*	Tiếng Anh 4A	4	8
	ENG4026*	Tiếng Anh 3B	4	8		ENG4030**	Tiếng Anh 4C	2	3
	ENG4029*	Tiếng Anh 4B	4	7			Ngoại ngữ CLC 2	5	4
		Ngoại ngữ CLC2	0	4		ENG2046***	Kinh tế vi mô - kinh tế vĩ mô	3	3
	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		ENG2047***	Nghệ thuật diễn thuyết trước công chúng	2	3
	FLF1009***	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3					
		HP tự chọn (khối III.2)	4	4			HP tự chọn (Khối II)	3	3
	VLF1053	Tiếng Việt thực hành	2	2		ENG1001B	Địa lý đại cương	3	3
	FLF1001	Cảm thụ nghệ thuật	2	2		ENG1002	Môi trường và phát triển	3	3
	PHI1051	Logic học đại cương	2	2		FLF1005***	Tìm hiểu cộng đồng châu Á	3	3
	PSF3002	Tâm lý học đại cương	2	2		TOU3017	Giao tiếp và lễ tân ngoại giao	3	3
	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới					HP tự chọn (Khối III.2)	4	4
	FLF1002	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	2		FLF1006***	Tìm hiểu cộng đồng Châu Âu	2	2
		(Sinh viên có thể tích lũy HP tự chọn thuộc khối III.2 ở HKIII hoặc HKV)				MAT1078	Thống kê cho khoa học xã hội	2	2

Hà Nội, ngày tháng 04 năm 2020

KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

HIỆU TRƯỞNG

Phùng Thị Kim Dung

Nguyễn Thúy Lan

Đỗ Tuấn Minh

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2020-2021

NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - CHẤT LƯỢNG CAO

KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần	KHÓA	Mã HP	Tên học phần	SỐ TC	Số giờ/ tuần	
QH.2018 HỌC KỲ 5	ENG2055*	Ngôn ngữ học tiếng Anh 1	3	3	QH.2018 HỌC KỲ 6	ENG2056*	Ngôn ngữ học tiếng Anh 2	3	3	
	ENG3030*	Biên dịch	3	3		ENG3049*	Lý thuyết dịch	3	3	
	ENG2054*	Giao tiếp liên văn hóa	3	3		ENG3006*	Biên dịch nâng cao	3	3	
	ENG2052*	Đất nước học Anh - Mỹ	3	3		ENG3064*	Phiên dịch nâng cao	3	3	
	ENG3062*	Phiên dịch	3	3		FLF1002**	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	3	
		Môn tự chọn (Khối III.2)	2	2			Môn tự chọn (IV.1.2)	9	9	
	FLF1003	Tư duy phê phán	2	2		ENG2053	Văn học CNN tiếng Anh	3	3	
	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	2	2		ENG2059	Ngữ pháp chức năng	3	3	
	FLF1004	Văn hóa các nước ASEAN	2	2		<i>(Sinh viên có thể tích lũy môn học tự chọn thuộc khối V.1.2 ở HK 6 hoặc/ và 7)</i>				
		Môn tự chọn (V.2.2)	6	6			Môn tự chọn (V.2.2)	6	6	
	ENG3072	Tiếng Anh kinh tế	3	3		ENG3073	Tiếng Anh Tài chính-Ngân hàng	3	3	
	ENG3071	Tiếng Anh giao tiếp trong kinh doanh	3	3		ENG3070	Tiếng Anh Du lịch	3	3	
	QH.2017 HỌC KỲ 7	ENG3032**	Nghiệp vụ Biên - Phiên dịch	4		4	QH.2017 HỌC KỲ 8	ENG4001*	Thực tập	3
ENG3081***		Dịch hội thảo: Lý thuyết và thực hành	3	3	ENG4054**	Khóa luận Tốt nghiệp		7	7	
		Môn tự chọn (IV.1.2)	9	9						
ENG2057		Ngữ dụng học tiếng Anh	3	3						
ENG3056		Ngôn ngữ, văn hóa và xã hội	3	3						
		Môn tự chọn (V.2.1)	9	9						
ENG3063*		Phiên dịch chuyên ngành	3	3						
ENG3031*		Biên dịch chuyên ngành	3	3						
ENG3061*		Đánh giá chất lượng bản dịch	3	3						
ENG3029		Báo chí trực tuyến	3	3						
ENG3055	Ngôn ngữ và truyền thông	3	3							

KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Hà Nội, ngày tháng 04 năm 2020
HIỆU TRƯỞNG

Phùng Thị Kim Dung

Nguyễn Thúy Lan

Đỗ Tuấn Minh

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2020-2021

NGÀNH SƯ PHẠM TIẾNG ANH - CHẤT LƯỢNG CAO

KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần	KHÓA	Mã HP	Tên học phần	SỐ TC	Số giờ/ tuần
QH.2018 HỌC KỲ 5	PSF3008	Giáo dục học	3	3	QH.2018 HỌC KỲ 6	PSF3006	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành GDĐT	2	2
	ENG2055*	Ngôn ngữ học tiếng Anh 1	3	3		ENG3065**	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	4	4
	ENG2054*	Giao tiếp liên văn hóa	3	3		ENG2056*	Ngôn ngữ học tiếng Anh 2	3	3
	ENG2052*	Đất nước học Anh - Mỹ	3	3			Môn tự chọn (IV.1.2)	9	9
	FLF1002**	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	3		ENG2053	Văn học CNN tiếng Anh	3	3
	ENG3047*	Lý luận giảng dạy tiếng Anh	3	3		ENG2059	Ngữ pháp chức năng	3	3
		Môn tự chọn (Khối III.2)	2	2			(Sinh viên có thể tích lũy môn học tự chọn thuộc khối IV.1.2 ở HK6 và 7)		
	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	2	2			Môn tự chọn (V.2)	15	15
	FLF1004	Văn hóa các nước ASEAN	2	2		PSF3009	Tâm lý học giảng dạy tiếng nước ngoài	3	3
		(Sinh viên đã tích lũy môn học tự chọn thuộc khối III ở HK3 sẽ không tích lũy ở HK5)				ENG3068*	Thiết kế giáo án và phát triển tài liệu	3	3
						ENG3050	Một số vấn đề về dạy tiếng Anh như một ngôn ngữ quốc tế	3	3
					(Sinh viên có thể tích lũy môn học tự chọn thuộc khối V.2 ở HK 6 và 7)				
QH.2017 HỌC KỲ 7	ENG3045*	Kiểm tra đánh giá ngoại ngữ	3	3	QH.2017 HỌC KỲ 8	ENG4001*	Thực tập	3	3
	ENG3082***	Thực hành giảng dạy	3	3		ENG4054**	Khóa luận Tốt nghiệp	7	7
		Môn tự chọn (IV.1.2)	9	9					
	ENG2057	Ngữ dụng học tiếng Anh	3	3					
	ENG3056	Ngôn ngữ, văn hóa và xã hội	3	3					
		Môn tự chọn (V.2)	15	15					
	ENG3055	Ngôn ngữ và truyền thông	3	3					
	ENG3078*	Xây dựng chương trình và chương trình chi tiết	3	3					
	ENG3040	Giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành	3	3					
	ENG3037	Công nghệ trong dạy và học ngoại ngữ	3	3					
	ENG3036	Cơ sở giảng dạy tiếng Anh cho trẻ em	3	3					
	ENG3069*	Thụ đắc ngôn ngữ	3	3					
	ENG3041	Giáo dục song ngữ	3	3					

KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Hà Nội, ngày tháng 04 năm 2020
HIỆU TRƯỞNG

Phùng Thị Kim Dung

Nguyễn Thúy Lan

Đỗ Tuấn Minh

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2020-2021

NGÀNH SƯ PHẠM TIẾNG ANH

KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần	KHÓA	Mã HP	Tên học phần	SỐ TC	Số giờ/ tuần
QH.2020 HỌC KỲ 1	ENG4021	Tiếng Anh 1A	4	8	QH.2020 HỌC KỲ 2	ENG4023	Tiếng Anh 2A	4	8
	ENG4022	Tiếng Anh 1B	4	8		ENG4024	Tiếng Anh 2A	4	8
	VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3		FLF1008	Kỹ năng học tập thành công bậc ĐH	3	4
		Ngoại ngữ B1	0	4		PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam (SV có thể chọn học tại HKI hoặc HKII)	3	3			Ngoại ngữ B1	5	4
							Tự chọn khối II		
					FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3	
QH.2019 HỌC KỲ 3	ENG4025	Tiếng Anh 3A	4	8	QH.2019 HỌC KỲ 4	ENG4028	Tiếng Anh 4A	4	8
	ENG4026	Tiếng Anh 3B	4	8		ENG4029	Tiếng Anh 4B	4	8
	ENG4031	Tiếng Anh 3C	3	5		ENG4032	Tiếng Anh 4C (chọn học kỳ 4 hoặc kỳ 6)	4	5
	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		PSF3007	Tâm lý học	3	3
		HP tự chọn (khối III.2)	4	4		PHI1002	Chữ nghĩa xã hội khoa học	2	2
	VLF1053	Tiếng Việt thực hành	2	2			HP tự chọn (Khối II)	6	6
	FLF1001	Cảm thụ nghệ thuật	2	2		ENG1001B	Địa lý đại cương	3	3
	PHI1051	Logic học đại cương	2	2		ENG1002	Môi trường và phát triển	3	3
	FLF1003	Tư duy phê phán					HP tự chọn (Khối III.2)	2	2
	MAT1078	Thống kê cho khoa học xã hội				FLF1002	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	2
	(Sinh viên có thể tích lũy HP tự chọn thuộc khối II ở HKIII hoặc HKV)			ENG4032	Tiếng Anh 4C	4	5		
QH.2018 HỌC KỲ 5	PSF3008	Giáo dục học	3	3	QH.2018 HỌC KỲ 6	PSF3006	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành GDĐT	2	2
	ENG2055	Ngôn ngữ học tiếng Anh 1	3	3		ENG3065	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	3	3
	ENG3047	Lý luận giảng dạy tiếng Anh	3	3		ENG2056	Ngôn ngữ học tiếng Anh 2	3	3
	ENG2054	Giao tiếp liên văn hóa	3	3			Môn tự chọn (IV.1.2)	6	6
	ENG2052	Đất nước học Anh - Mỹ	3	3		ENG2053	Văn học CNN tiếng Anh	3	3
							Môn tự chọn (V.2)	12	12
		Môn tự chọn (Khối III.2)	2	2		PSF3009	Tâm lý học giảng dạy tiếng nước ngoài	3	3
	FLF1002	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	2		ENG3068	Thiết kế giáo án và phát triển tài liệu	3	3
	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	2	2		ENG3050	Một số vấn đề về dạy tiếng Anh như một ngôn ngữ quốc tế	3	3
	FLF1004	Văn hóa các nước ASEAN	2	2			(Sinh viên có thể tích lũy môn học tự chọn thuộc khối V.2 ở HK 6 và 7)		
ENG3045	Kiểm tra đánh giá ngoại ngữ	3	3	ENG4001	Thực tập	3	3		
	Môn tự chọn (IV.2.2)	6	6	ENG4054	Khóa luận Tốt nghiệp/Các môn thay thế KLTN	6	6		
ENG2057	Ngữ dụng học tiếng Anh	3	3		Các môn thay thế tốt nghiệp				
ENG3056	Ngôn ngữ, văn hóa và xã hội	3	3	ENG3078	Xây dựng chương trình và chương trình chi tiết	3	3		

QH.2017 HỌC KỲ 7		Môn tự chọn (V.2)	12	12	QH.2017 HỌC KỲ 8	ENG2060	Phân tích điển ngôn	3	3
	ENG3055	Ngôn ngữ và truyền thông	3	3					
	ENG3041	Giáo dục song ngữ	3	3					
	ENG3040	Giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành	3	3					
	ENG3037	Công nghệ trong dạy và học ngoại ngữ	3	3					
	ENG3036	Cơ sở giảng dạy tiếng Anh cho trẻ em	3	3					
ENG3069	Thụ đắc ngôn ngữ	3	3						

KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Hà Nội, ngày tháng 04 năm 2020
HIỆU TRƯỞNG

Phùng Thị Kim Dung

Nguyễn Thúy Lan

Đỗ Tuấn Minh

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2020-2021

NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - ĐỊNH HƯỚNG PHIÊN DỊCH

KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần	KHÓA	Mã HP	Tên học phần	SỐ TC	Số giờ/ tuần
QH.2019 HỌC KỲ 3	ENG4025	Tiếng Anh 3A	4	8	QH.2019 HỌC KỲ 4	ENG4028	Tiếng Anh 4A	4	8
	ENG4026	Tiếng Anh 3B	4	8		ENG4029	Tiếng Anh 4B	4	8
	ENG4031	Tiếng Anh 3C	3	5		ENG4032	Tiếng Anh 4C (chọn học kỳ 4 hoặc kỳ 6)	4	5
	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
		HP tự chọn (khối III.2)	4	4			HP tự chọn (Khối II)	6	6
	VLF1053	Tiếng Việt thực hành	2	2		ENG1001B	Địa lý đại cương	3	3
	FLF1001	Cảm thụ nghệ thuật	2	2		ENG1002	Môi trường và phát triển	3	3
	PHI1051	Logic học đại cương	2	2			HP tự chọn (Khối III.2)	2	2
	MAT1078	Thống kê cho khoa học xã hội	2	2		FLF1002	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	2
		<i>(Sinh viên có thể tích lũy HP tự chọn thuộc khối II ở HKIII hoặc HKV)</i>							
QH.2018 HỌC KỲ 5	ENG2055	Ngôn ngữ học tiếng Anh 1	3	3	QH.2018 HỌC KỲ 6	ENG2056	Ngôn ngữ học tiếng Anh 2	3	3
	ENG2054	Giao tiếp liên văn hóa	3	3		ENG3064	Phiên dịch nâng cao	3	3
	ENG2052	Đất nước học Anh - Mỹ	3	3		ENG3049	Lý thuyết dịch	3	3
	ENG3030	Biên dịch	3	3		ENG3006	Biên dịch nâng cao	3	3
	ENG3062	Phiên dịch	3	3			Môn tự chọn (IV.1.2)	6	6
		Môn tự chọn (Khối III.2)	2	2		ENG2053	Văn học CNN tiếng Anh	3	3
	FLF1002	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	2		<i>(Sinh viên có thể tích lũy môn học tự chọn thuộc khối IV.1.2 ở HK6 hoặc /và 7)</i>			
	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	2	2			Môn tự chọn (V.2.2)	9	9
	FLF1004	Văn hóa các nước ASEAN	2	2		ENG3073	Tiếng Anh Tài chính-Ngân hàng	3	3
	<i>(Sinh viên đã tích lũy đủ môn học tự chọn thuộc khối III ở HK3 sẽ không tích lũy ở HK5)</i>						ENG3070	Tiếng Anh Du lịch	3
					ENG3072	Tiếng Anh kinh tế	3	3	
					ENG2059	Ngữ pháp chức năng	3	3	
					ENG3071	Tiếng Anh giao tiếp trong kinh doanh	3	3	
<i>(Sinh viên có thể tích lũy môn học tự chọn thuộc khối V.2.2 ở HK6 hoặc/và 7)</i>									
	ENG3032	Nghiệp vụ Biên-Phiên dịch	3	3	ENG4001	Thực tập	3	3	
		Môn tự chọn (IV.1.2)	6	6	ENG4054	Khóa luận Tốt nghiệp	6	6	

QH.2017 HỌC KỲ 7	ENG3074	Tiếng Anh toàn cầu	3	3	QH.2017 HỌC KỲ 8		Các môn học thay thế KLTN		
	ENG2057	Ngữ dụng học tiếng Anh	3	3		ENG3031	Biên dịch chuyên ngành	3	3
	ENG3056	Ngôn ngữ, văn hóa và xã hội	3	3		ENG3063	Phiên dịch chuyên ngành	3	3
		Môn tự chọn (V.2.2)	9	9					
	ENG3055	Ngôn ngữ và truyền thông	3	3					
	ENG3061	Đánh giá chất lượng bản dịch	3	3					
	ENG3029	Báo chí trực tuyến	3	3					

Hà Nội, ngày tháng 04 năm 2020

KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

HIỆU TRƯỞNG

Phùng Thị Kim Dung

Nguyễn Thúy Lan

Đỗ Tuấn Minh

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2020-2021

NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - ĐỊNH HƯỚNG QUẢN TRỊ HỌC

KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần	KHÓA	Mã HP	Tên học phần	SỐ TC	Số giờ/ tuần	
QH.2018 HỌC KỲ 5	ENG2055	Ngôn ngữ học tiếng Anh 1	3	3	QH.2018 HỌC KỲ 6	ENG2056	Ngôn ngữ học tiếng Anh 2	3	3	
	ENG2054	Giao tiếp liên văn hóa	3	3		ENG3062	Phiên dịch	3	3	
	ENG2052	Đất nước học Anh - Mỹ	3	3		ENG3055	Ngôn ngữ và truyền thông	3	3	
	ENG3030	Biên dịch	3	3			Môn tự chọn (IV.1.2)	6	6	
	ENG3079	Quản lý dự án	3	3		ENG2053	Văn học CNN tiếng Anh	3	3	
		Môn tự chọn (Khối III.2)	2	2		<i>(Sinh viên có thể tích lũy môn học tự chọn thuộc khối IV.1.2 ở HK 6 hoặc/và 7)</i>				
	FLF1002	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	2			Môn tự chọn (V.1.2)	9	9	
	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	2	2		ENG3072	Tiếng Anh kinh tế	3	3	
	FLF1004	Văn hóa các nước ASEAN	2	2		ENG3073	Tiếng Anh Tài chính-Ngân hàng	3	3	
						ENG3070	Tiếng Anh Du lịch	3	3	
						ENG3029	Báo chí trực tuyến	3	3	
	<i>(Sinh viên có thể tích lũy môn học tự chọn thuộc khối III ở HK3 hoặc 5)</i>				ENG3038	Công nghệ trong quản lý dự án	3	3		
					<i>(Sinh viên có thể tích lũy môn học tự chọn thuộc khối V.1.2 ở HK6 hoặc 7)</i>					
QH.2017 HỌC KỲ 7	ENG3080	Quản trị văn phòng	3	3	QH.2017 HỌC KỲ 8	ENG4001	Thực tập	3	3	
	BSA2006	Quản trị nguồn nhân lực	3	3		ENG4054	Khóa luận Tốt nghiệp/ Môn học tương đương	6	6	
		Môn tự chọn (V.1.2)	9	9			Các môn học thay thế KLTN			
	ENG3006	Biên dịch nâng cao	3	3		ENG3031	<i>Biên dịch chuyên ngành</i>	3	3	
	ENG3032	Nghiệp vụ biên/phiên dịch	3	3		ENG3071	Tiếng Anh giao tiếp trong kinh doanh	3	3	
	ENG3043	Kỹ năng biên tập văn bản	3	3						
		Môn tự chọn (IV.1.2)	6	6						
	ENG3064	Phiên dịch nâng cao	3	3						
	ENG2057	Ngữ dụng học tiếng Anh	3	3						
ENG3056	Ngôn ngữ, văn hóa và xã hội	3	3							

KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA

Phùng Thị Kim Dung

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thúy Lan

Hà Nội, ngày tháng 04 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG

Đỗ Tuấn Minh

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2020-2021

NGÀNH NGÔN NGỮ ANH - ĐỊNH HƯỚNG QUỐC TẾ HỌC

KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần	KHÓA	Mã HP	Tên học phần	SỐ TC	Số giờ/ tuần	
QH.2018 HỌC KỲ 5	ENG2055	Ngôn ngữ học tiếng Anh 1	3	3	QH.2018 HỌC KỲ 6	ENG2086	Các chủ đề trong đất nước học Mỹ	3	3	
	ENG3075	Toàn cầu hóa và ảnh hưởng của toàn cầu hóa đến xã hội đương đại	3	3		ENG3016	Chính sách đối ngoại của Mỹ sau thế chiến thứ 2	3	3	
	ENG2052	Đất nước học Anh - Mỹ	3	3		ENG2056	Ngôn ngữ học tiếng Anh 2	3	3	
	ENG2054	Giao tiếp liên văn hóa	3	3		ENG3083	Các tổ chức quốc tế	3	3	
		Môn tự chọn (Khối III.2)	2	2			Môn tự chọn (IV.1.2)	6	6	
	FLF1002	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	2		ENG2053	Văn học CNN tiếng Anh	3	3	
	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	2	2		<i>(Sinh viên có thể tích lũy môn học tự chọn thuộc khối IV.1.2 ở HK 6 hoặc/và 7)</i>				
	FLF1004	Văn hóa các nước ASEAN	2	2			Môn tự chọn (V.4.2.2)	3	3	
	<i>(Sinh viên đã tích lũy đủ môn học tự chọn thuộc khối (III.2) ở HK 3 sẽ không tích lũy ở HK 5)</i>					ENG3030	Biên dịch	3	3	
							ENG3062	Phiên dịch	3	3
					ENG3052B	Kỹ năng giao tiếp	3	3		
					<i>(Sinh viên có thể tích lũy môn học tự chọn thuộc khối V.4.2.2 ở HK 6 hoặc 7)</i>					
						Môn tự chọn (V.4.2.1)	3	3		
					ENG3035	Công dân văn hóa: Sắc tộc và các cộng đồng hải ngoại	3	3		
QH.2017 HỌC KỲ 7	ENG2087	Các chủ đề trong đất nước học Anh	3	3	QH.2017 HỌC KỲ 8	ENG4001	Thực tập	3	3	
	ENG3046	Các phương pháp nghiên cứu đất nước học	3	3		ENG4054	Khóa luận Tốt nghiệp/ Môn học tương đương	6	6	
		Môn tự chọn (V.4.2.2)	3	3			Các môn học thay thế KLTN			
	ENG3055	Ngôn ngữ và truyền thông	3	3		ENG3034B	Các chủ đề trong nghiên cứu Đông Nam Á	3	3	
		Môn tự chọn (V.4.2.1)	6	6		ENG3056	Ngôn ngữ, văn hóa và xã hội	3	3	
	ENG3084	Di cư và nhập cư trong thời đại mới	3	3						
		Môn tự chọn (IV.1.2)	6	6						
ENG2057	Ngữ dụng học tiếng Anh	3	3							

Hà Nội, ngày tháng 04 năm 2020

KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

HIỆU TRƯỞNG

Phùng Thị Kim Dung

Nguyễn Thúy Lan

Đỗ Tuấn Minh